

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Sửa chữa, nâng cấp
các hồ chứa nước (Hồ 3/2, Nước Rin, Đập Quang, Đá Chồng)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1613/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước (Hồ 3/2, Nước Rin, Đập Quang, Đá Chồng);

Xét hồ sơ kèm theo Tờ trình số 972/TTr-BQLNNPTNT ngày 04/11/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh về việc thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước (Hồ 3/2, Nước Rin, Đập Quang, Đá Chồng);

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 320/TTr-SNN&PTNT ngày 14/12/2022, kèm theo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án tại văn bản số 2959/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 09/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước (Hồ 3/2, Nước Rin, Đập Quang, Đá Chồng), với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước (Hồ 3/2, Nước Rin, Đập Quang, Đá Chồng).

2. Người quyết định đầu tư: UBND tỉnh Quảng Nam.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh.

4. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước (Hồ 3/2, Nước Rin, Đập Quang, Đá Chồng) nhằm đảm bảo an toàn hồ chứa, bảo vệ dân cư và kết cấu hạ tầng, cung cấp nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt, góp phần cải thiện sinh kế bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo người dân nông thôn thuộc các xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên; xã Trà Giáp, huyện Bắc Trà My; xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành; xã Quế Xuân 2, huyện Quế Sơn.

5. Quy mô và giải pháp thiết kế

a) Quy mô dự án: Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước Hồ 3/2, Nước Rin, Đập Quang, Đá Chồng theo các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật chủ yếu: *(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*.

b) Giải pháp thiết kế

- Đập đất:

+ Đắp áp trúc mở rộng mặt đập về phía thượng, hạ lưu với các chỉ tiêu: Hệ số đầm chặt $K \geq 0,97$, dung trọng khô thiết kế γ_{ktk} từ $1,57\text{T/m}^3$ đến $1,66\text{T/m}^3$, đảm bảo chiều rộng mặt đập $B = 5,0\text{ m}$. Đỉnh đập phía thượng lưu bố trí tường chắn sóng cao $0,80\text{ m}$ bằng bê tông cốt thép M250. Đỉnh đập phía hạ lưu bố trí gờ chắn bánh bằng bê tông M250, cao 30 cm .

+ Kết cấu mặt đỉnh đập bằng bê tông M250 dày 20 cm , phía dưới lót ni lông và lớp cấp phối đá dăm dày 15 cm , độ dốc ngang mặt đập 2% về phía thượng lưu.

+ Mái thượng lưu đập được gia cố bằng bê tông đổ tại chỗ, kích thước $(2,0 \times 1,0 \times 0,12)\text{ m}$, dưới là tầng lọc gồm lớp dăm dày 15 cm , lớp cát dày 15 cm , ở vị trí giới hạn dưới của gia cố mái thượng lưu được cấu tạo bằng chân khay bê tông có chiều cao 75 cm .

+ Mái hạ lưu: Trồng cỏ bảo vệ, thoát nước hạ lưu bằng đồng đá kết hợp áp mái.

- Trần xả lũ:

+ Hồ chứa nước 3/2: Sửa chữa, nâng cấp trần xả lũ, hình thức trần có ngưỡng kiểu dạng phím Piano (đường trần hình zíc zắc), kết cấu bằng bê tông cốt thép M300, kết hợp với cống xả sâu; bố trí cầu qua tràn, kết cấu bê tông cốt thép M300.

+ Hồ chứa Nước Rin: Nâng cao trình ngưỡng tràn, gia cố bằng hình thức bọc bê tông cốt thép M300 ngưỡng tràn, dốc nước, bể tiêu năng trên nền tràn cũ, làm mới cửa vào bằng bê tông cốt thép M300 và gia cố sau bể tiêu năng; bố trí cầu qua tràn, kết cấu bê tông cốt thép M300. Nâng cấp, mở rộng cống thoát nước hạ lưu bằng hình thức cống hộp, kết cấu bê tông cốt thép M300.

+ Hồ chứa nước Đập Quang: Sửa chữa, nâng cấp tràn xả lũ, hình thức tràn đỉnh rộng kết cấu bằng bê tông cốt thép M300; bố trí cầu qua tràn, kết cấu bê tông cốt thép M300.

+ Hồ chứa nước Đá Chồng: Phá dỡ toàn bộ tràn cũ, xây dựng mới lại tràn xả lũ tại vị trí cũ bằng bê tông cốt thép M300, hình thức tràn thực dụng; bố trí cầu qua tràn, kết cấu bê tông cốt thép M300.

- Cổng lấy nước:

+ Hồ chứa nước 3/2: Xây dựng mới cổng lấy nước tại vai phải đập chính. Hình thức kết cấu cổng: Cổng tròn bằng ống thép D500, bọc bê tông cốt thép M300, điều tiết nước bằng van đặt ở hạ lưu cổng; hầm van có nhà che khung BTCT, tường bao xây gạch.

+ Hồ chứa Nước Rin: Sửa chữa, nâng cấp cầu công tác, thay mới dàn van và máy đóng mở.

+ Hồ chứa nước Đập Quang: Nâng cấp, cải tạo lại đầu vào cổng lấy nước; thân cổng từ thượng lưu được luồn ống thép D600 trong cổng cũ đến hạ lưu. Cửa ra của cổng xây mới hầm van và nhà van bằng bê tông cốt thép.

+ Hồ chứa nước Đá Chồng: Xây dựng lại cổng lấy nước bên cạnh cổng hiện trạng. Hình thức kết cấu cổng: Cổng tròn bằng ống thép D500, bọc bê tông cốt thép, điều tiết nước bằng van đặt ở hạ lưu cổng; hầm van có nhà che khung BTCT, tường bao xây gạch.

- Bố trí thiết bị quan trắc chuyên vị, thám; lập quy trình vận hành, cấm mốc bảo vệ công trình thủy lợi... theo quy định của Luật Thủy lợi, Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- Nạo vét lòng hồ chứa Nước Rin: Nạo vét lòng hồ, diện tích nạo vét khoảng 2,88 ha.

- Đường thi công kết hợp quản lý vận hành hồ chứa Nước Rin và Đá Chồng: Mặt đường BTXM M300 rộng 3,5 m, nền đường rộng 5,5 m thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh Công ty TNHH Thiết kế xây dựng Minh Tân và Công ty Cổ phần Phú An Dương.

7. Địa điểm xây dựng: Các huyện Duy Xuyên, Bắc Trà My, Núi Thành, Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

8. Nhóm dự án; loại, cấp công trình

a) Nhóm dự án: Nhóm C.

b) Loại và cấp công trình:

- Loại công trình: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp công trình:

TT	Tên hồ chứa	Cấp công trình	Địa điểm xây dựng
1	Hồ 3/2	III	xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên
2	Nước Rìn	IV	xã Trà Giáp, huyện Bắc Trà My
3	Đập Quang	IV	xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành
4	Đá Chồng	III	xã Quế Xuân 2, huyện Quế Sơn

9. Số bước thiết kế; danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng

a) Số bước thiết kế: 02 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Theo khoản 9, mục I văn bản số 2959/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 09/12/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

10. Tổng mức đầu tư: 55.000.000.000 đồng (*Năm mươi lăm tỷ đồng*), trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư : 2.000.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng : 42.846.607.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 1.005.727.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 5.135.126.000 đồng;
- Chi phí khác : 722.527.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 3.290.013.000 đồng.

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

13. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022 - 2023.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh (chủ đầu tư) căn cứ các nội dung được phê duyệt, tổ chức lập các hồ sơ, thủ tục tiếp theo đảm bảo đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện: Duy Xuyên, Bắc Trà My, Núi Thành, Quế Sơn phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan theo dõi, hướng dẫn, giám sát chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám

độc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Duy Xuyên, Bắc Trà My, Núi Thành, Quế Sơn và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: KH và ĐT, TC, NN và PTNT;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN_(Th).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu

Phụ lục.

**NHIỆM VỤ, CHỈ TIÊU THIẾT KẾ VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH
DỰ ÁN SỬA CHỮA, NÂNG CẤP CÁC HỒ CHỨA NƯỚC (HỒ 3/2, NƯỚC
RIN, ĐẬP QUANG, ĐÁ CHỒNG)**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Hồ 3/2	Hồ Nước Rin	Hồ Đập Quang	Hồ Đá Chồng
I	Hồ chứa					
1	Nhiệm vụ (cấp nước tưới)	ha	128,9	40,0	39,7	41,1
2	Loại công trình		Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn			
3	Cấp công trình		III	IV	IV	III
4	Tần suất lũ thiết kế	%	1,5%	2,0%	2,0%	1,5%
5	Tần suất lũ kiểm tra	%	0,5%	1,0%	1,0%	0,5%
6	Mức đảm bảo cấp nước tưới	%	85%	75%	75%	85%
7	Diện tích lưu vực	Km ²	12,2	2,39	4,27	1,2
8	Mực nước chết	m	+15,50	+353,5	+2,50	+25,65
9	Mực nước dâng bình thường	m	+19,0	+357,5	+3,50	+29,0
10	Mực nước lũ thiết kế	m	+20,44	+359,69	+4,92	+30,03
11	Mực nước lũ kiểm tra	m	+20,68	+359,85	+5,02	+30,10
12	Dung tích toàn bộ Vh	10 ⁶ m ³	0,234	0,047	0,203	0,206
14	Dung tích hữu ích Vhi	10 ⁶ m ³	0,234	0,047	0,189	0,204
15	Chế độ điều tiết		Năm	Năm	Năm	Năm
II	Đập đất					
1	Cao trình đỉnh đập	m	+21,40	+360,20	+6,00	+31,10
2	Cao trình đỉnh TCS	m	+22,20	+361,00	+6,80	+31,90
3	Chiều rộng đỉnh đập	m	5,00	5,00	5,00	5,00
4	Chiều cao đập lớn nhất	m	8,7	7,8	4,8	8,75
5	Chiều dài đập	m	453,84	140,10	200,40	332,34
6	Cao trình đỉnh đồng đá	m	+15,8	+353,5	+4,0	+26,0
7	Chiều rộng đỉnh đồng đá	m	1,5	1,5	1,0	1,5
8	Hệ số mái HL (trên/dưới)		2,75	2,75	2,75	2,75
9	Hệ số mái TL		3,00	3,00	3,00	3,00
10	Kết cấu đập	m	Đồng chất	Đồng chất	Đồng chất	Đồng chất

TT	Hạng mục	Đơn vị	Hồ 3/2	Hồ Nước Rỉ	Hồ Đập Quang	Hồ Đá Chông
IV	Tràn xả lũ					
1	Hình thức tràn		Ngưỡng kiểu dạng phím Piano	Thực dụng	Đỉnh rộng	Thực dụng
2	Cao trình ngưỡng tràn	m	+19,0	+357,5	+3,5	+29,0
3	Bề rộng tràn	m	W=25; B=13	15,1	11,0	15,0
4	Lưu lượng xả lũ thiết kế Q_{TK}	m ³ /s	243,48	96,90	70,69	33,89
5	Lưu lượng xả lũ kiểm tra Q_{KT}	m ³ /s	286,88	115,69	77,72	37,55
6	Hình thức tiêu năng		Bề tiêu năng	dốc nước và bề tiêu năng	dốc nước và bề tiêu năng	dốc nước và bề tiêu năng
V	Cống lấy nước					
1	Kích thước cống		ống thép Ø500	giữ nguyên	ống thép Ø600	ống thép Ø500
2	Hình thức cống		Cống ngầm chảy có áp	-	Cống ngầm chảy có áp	Cống ngầm chảy có áp
3	Chiều dài thân cống	m	44,30	-	27,20	41,80
4	Cao độ cửa vào	m	+14,50	-	+1,90	+24,65
5	Cao độ cửa ra	m	+14,40	-	+1,85	+24,60
6	Kết cấu cống, tháp		Ống thép bọc BT	Sửa chữa cầu công tác, dần đóng mở	Ống thép bọc BT	Ống thép bọc BT
VI	Đường quản lý					
1	Chiều dài tuyến	m		74		72
2	Bề rộng mặt đường	m		3,5		3,5
3	Bề rộng nền đường	m		5,50		5,50